

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 09/2024/HC-ST
Ngày: 18/6/2024
V/v: “*Khiếu kiện hành vi hành
chính*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Văn Tâm; bà Phạm Yên Nhi.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Ngô Huỳnh Đức - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:**
Ông Từ Thu Ba - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 36/2023/TLST-HC ngày 10 tháng 10 năm 2023 về: “*Khiếu kiện hành vi hành chính*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2024/QĐST-HC ngày 02 tháng 05 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2024/QĐST-HC ngày 28 tháng 05 năm 2024, giữa:

- **Người khởi kiện:** Ông Trần Văn L, sinh năm 1965, cư trú: Tổ C, ấp V, xã V, huyện T, tỉnh An Giang. SĐT: 0961 854 164.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho ông L: bà Đỗ Hồng Thụy V – Luật sư của C, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh A. Địa chỉ: Số A C, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang. SĐT: 0982 159 290.

- **Người bị kiện:** Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh A. Địa chỉ: số H T, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

+ Ủy ban nhân dân xã V, huyện T, tỉnh An Giang. Địa chỉ: ấp V, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang.

+ Ông Trần Văn B, sinh năm 1972

+ Bà Lê Thị Ngọc A, sinh năm 1972

Cùng cư trú: Số F, tổ F, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh An Giang.

+ Ông **Lê Thanh S**, sinh năm 1996, cư trú: số 023. Tổ 1, **ấp Đ, xã N, huyện T, tỉnh An Giang**.

+ Bà **Trần Thị Kim N**, sinh năm 1999, cư trú: **ấp P, xã A, huyện T, tỉnh An Giang**.

+ Bà **Trần Thị K**, sinh năm 1950, cư trú: **số A, tổ A, ấp V, xã V, huyện T, tỉnh An Giang**.

(Tại phiên tòa ông **L**, ông **S**, Luật sư **Đỗ Hồng Thụy V** có mặt. Các đương sự còn lại vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- **Tại đơn khởi kiện ngày 06/6/2023, và tại phiên tòa người khởi kiện ông Trần Văn L trình bày:** Ông được sử dụng phần đất có diện tích 5.081,1m², theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số CS06395 ngày 19/5/2021 do **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh A** cấp. Vào thời điểm của tháng 8 năm 2022, ông làm thủ tục tặng cho và chuyển nhượng QSDĐ của ông cho những người thân trong gia đình, cụ thể: Tặng cho chị ruột bà **Trần Thị K** 2.000m², tặng cho cháu ruột gọi ông bằng cậu là **Lê Thanh S** 1.000m², chuyển nhượng cho **Lê Thị Ngọc Á** cùng chồng là **Trần Văn B** 1.000m², phần còn lại 1.081m² là của ông.

Hồ sơ ông đã nộp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả huyện (nay là thị xã) **T**, nơi đây đã nhận hồ sơ và có phiếu hẹn trả kết quả cho ông vào ngày 03/8/2022. Tuy nhiên khi đến hẹn ông đến nhận hồ sơ thì nơi đây không trả kết quả cho ông và cũng không trả lại bản chính GCNQSDĐ cho ông, vì cho rằng đất đang tranh chấp. Khi ông đòi thì mới trả lại bản chính GCNQSDĐ vào tháng 12/2022, tuy nhiên không trả lại tiền lệ phí làm hồ sơ cho ông và tạm dừng hồ sơ cho đến nay.

Nay ông khởi kiện buộc **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh A** tiếp tục thực hiện việc đăng ký biến động quyền sử dụng đất của ông theo quy định của pháp luật.

- Bà **Á** và ông **S** thống nhất ý kiến trình bày của ông **L** và không có ý kiến khác.

- **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh A không tham gia đối thoại chỉ gửi văn bản trình bày ý kiến của mình cho Tòa án tại công văn số 4501/STNMT-VPĐKĐĐ ngày 19/12/2023 với nội dung:**

“Ngày 23/9/2022, VPĐKĐĐCN Tỉnh Biên có công văn số 243/CNTB-ĐK, công văn số 242/CNTB-ĐK, công văn số 744/CNTB-ĐK, thông tin tình trạng hồ sơ thủ tục về đất đai của bà **Trần Thị K**, ông **Lê Thanh S** và bà **Trần Thị Kim N**, ông **Trần Văn B**, và bà **Lê Thị Ngọc Á**, đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả **huyện T** với nội dung:

Ngày 14/4/2022 **UBND xã V** có văn bản số 154/UBND-VT đề nghị dừng giao dịch chuyển nhượng QSDĐ đối với ông **Trần Văn L** với lý do: “phần diện tích đất này có nguồn gốc sử dụng đất trước đây là của cá nhân bà **Trần Thị M**,

sinh năm: 1932 và ông **Trần Văn L**, sinh năm: 1965 đồng đứng tên trong GCNQSDĐ số vào sổ 023724 cấp ngày 02/10/1998 tại thửa số 1851, tờ bản đồ số 01, diện tích 4.959m² (theo phiếu cung cấp thông tin, tài liệu, số 956/CNTB-ĐKLT ngày 24/6/2019 của **Văn phòng Đ1 chi nhánh T1**). Vào ngày 29/4/2004 khi bà **Trần Thị M** còn sống đã chuyển nhượng một phần cho ông Trần Văn A và bà **Trương Thị T** diện tích 500m² (mua giấy tay) sau đó vợ chồng ông Trần Văn A đã chuyển nhượng lại phần đất này cho ông **Trần Thành Đ** (mua bán giấy tay). Đến ngày 30/9/2020 gia đình ông **Trần Thành Đ** đã hiến phần đất này cho **UBND xã V** để sử dụng ổn định cho đến nay.

Do đó VPĐKĐĐCN Tỉnh Biên dừng thực hiện hồ sơ tặng cho QSDĐ của bà **Trần Thị K**, ông **Trần Thanh S1**, ông **Trần Văn B**. sau khi có văn bản giải quyết tranh chấp của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đề nghị ông bà liên hệ đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả **huyện T** để tiếp tục giải quyết theo quy định”.

Phát biểu tranh luận của các đương sự tại phiên tòa:

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông **L** phát biểu quan điểm:* Việc Văn phòng đăng ký **thị xã T** căn cứ vào văn bản của Ủy ban nhân dân (UBND) **xã V** để cho rằng đất đang tranh chấp đề tạm dừng toàn bộ hồ sơ đăng ký biến động quyền sử dụng đất của ông **L** là không có căn cứ, vì phần đất này sau khi mẹ ông **L** bà **M1** chết các anh em đã có văn bản phân chia di sản thừa kế để cho ông **L** được quyền sử dụng và chính **UBND xã V** đã ký xác nhận để ông **L** được cấp GCNQSDĐ như hiện nay.

Theo nội dung công văn thì phần đất này ông **Đ** đã hiến tặng cho **UBND xã V** thì đã thuộc quyền sử dụng của **UBND xã V** chứ không còn của ông **Đ** nữa nếu có tranh chấp là giữa **UBND xã V** với ông **L**. Tòa án đã tiến hành việc tạm dừng phiên tòa để đưa **UBND xã V** tham gia tố tụng trong vụ án, để nơi đây trình bày quan điểm, ý kiến của mình cũng như cung cấp tài liệu, chứng cứ về phần đất hiến tặng nhưng **UBND xã V** đã không có mặt trong suốt quá trình tố tụng và cũng không có văn bản để trình bày ý kiến của mình.

Hồ sơ xin đăng ký biến động QSDĐ của ông **L** đã được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất **chi nhánh T1** tiến hành việc đo đạc, tách thửa và đã được ký duyệt ngày 15/7/2022, theo đó thì có tất cả 03 hồ sơ chuyển nhượng, tặng cho quyền sử dụng đất với tổng diện tích 4.000,7m² phần diện tích còn lại của ông **L** là 1.080,4m². Như vậy trong trường hợp nếu có tranh chấp phần 500m² theo nội dung công văn của **UBND xã V** thì Văn phòng đăng ký QSDĐ **chi nhánh T1** phải xác định phần tranh chấp này nằm ở thửa đất nào, phần còn lại không nằm trong phạm vi tranh chấp thì phải thực hiện việc đăng ký biến động cho ông **L**.

Văn phòng Đ1 chi nhánh T1 từ chối toàn bộ hồ sơ là không đúng và gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người dân.

Từ những căn cứ nêu trên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét và chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông **L**.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán:

Sau khi nhận được đơn khởi kiện của ông **L**, Thẩm phán được phân công thụ lý và giải quyết vụ án đã xác định thời hiệu khởi kiện, thẩm quyền thụ lý, thông báo nộp tiền tạm ứng án phí, yêu cầu đương sự cung cấp tài liệu, chứng cứ, yêu cầu người bị kiện, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có ý kiến đối với yêu cầu của người khởi kiện, ra Thông báo thụ lý vụ án, tổ chức đối thoại cho người khởi kiện và người bị kiện, ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, tổng đạt các văn bản tố tụng và gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu trước khi tham gia phiên tòa theo đúng quy định tại Điều 20; Điều 38; Điều 99; Điều 101; Điều 125; Điều 126; từ Điều 130 đến Điều 143; từ Điều 145 đến Điều 147 Luật tố tụng hành chính.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa:

- Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân thực hiện đúng quy định tại Điều 148 đến Điều 189 Luật tố tụng hành chính về phiên tòa sơ thẩm.

- Thư ký phiên tòa thực hiện đúng theo quy định tại Điều 41, 167, 169 Luật tố tụng hành chính.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đến khi mở phiên tòa sơ thẩm thì việc thụ lý; việc xác minh, thu thập chứng cứ; tổ chức đối thoại; việc tổng đạt các quyết định, văn bản tố tụng, việc chuyển hồ sơ,... của Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án cũng như việc xét xử của Hội đồng xét xử tại phiên tòa được đảm bảo đúng quy định.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

- *Đối với người khởi kiện:* Ông **L** từ khi khởi kiện cho đến thời điểm này đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 9, Điều 55, Điều 56, Điều 78, Điều 83, Điều 115 đến Điều 119, Điều 137 Luật tố tụng hành chính năm 2015.

- *Đối với người bị kiện:* **Sở tài nguyên và môi trường tỉnh A** chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ như: không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại theo giấy triệu tập của Tòa án; vắng mặt tại phiên tòa là chưa tuân thủ các quy định tại Điều 55, Điều 57, Điều 157 Luật tố tụng hành chính năm 2015. Vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 157 Luật tố tụng hành chính.

- *Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* **Ủy ban nhân dân xã V** cũng không tham gia đối thoại, phiên tòa theo quy định của pháp luật

Qua kết quả kiểm sát việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án, xét thấy: Người bị kiện chưa tuân thủ các quy định của pháp luật tố tụng hành chính, cần kiến nghị để khắc phục.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Qua nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xét thấy rằng do vụ án có nhiều nội dung cần phải được làm rõ đó là:

Về tố tụng: Theo quy định tại Thông tư hướng dẫn số 05/2021/TT-BTNMT ngày 29/5/2021 hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của **Sở T** thuộc UBND cấp tỉnh, Phòng tài nguyên và môi trường thuộc UBND cấp huyện thì Phòng tài nguyên và môi trường cấp huyện có chức năng tham mưu giúp cho UBND cấp huyện thực hiện việc cấp GCNQSDĐ theo thẩm quyền quy định. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại tư cách của người bị kiện trong vụ án.

Về nội dung: Qua diễn biến tại phiên tòa hôm nay xét thấy rằng ông **L** cũng đã thừa nhận là có việc tranh chấp đất đai giữa ông với ông **Đ** và địa phương có mời các bên đến hòa giải và có biên bản, tài liệu kèm theo.

Do đó đề việc giải quyết vụ án được triệt để hơn đề nghị Hội đồng xét xử có thể tạm ngừng phiên tòa để thu thập thêm chứng cứ đó là tiến hành việc xem xét thẩm định tại chỗ để xác định trong các phần đất mà ông **L** làm thủ tục chuyển nhượng, tặng cho những người khác thì phần nào là tranh chấp thì dừng lại, phần không tranh chấp thì buộc **Văn phòng Đ1 chi nhánh T1** phải thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ của ông **L** theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận của các đương sự tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của luật sư, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa người đại diện của **Sở tài nguyên và môi trường tỉnh A** có đơn xin vắng mặt, ông **L**, ông **S1**, Luật sư **Đỗ Hồng Thụy V** có mặt. Các đương sự còn lại vắng mặt. Nghĩ nên cần tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 157 của Luật tố tụng hành chính.

Về tư cách người tham gia tố tụng: Trong vụ án này do ông **L** khởi kiện yêu cầu **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh A** phải thực hiện hành vi đăng ký biến động đất đai nên ông **L** là người khởi kiện, **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh A** là người bị kiện.

Các đương sự còn lại trong vụ án sẽ bị ảnh hưởng do việc không thực hiện hành vi hành chính sẽ tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung vụ án: Trong đơn khởi kiện và tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa hôm nay, xét thấy rằng:

Ông **L** đang sử dụng phần đất có diện tích 5.081,1m², theo GCNQSDĐ số CS06395 ngày 19/5/2021 do **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh A** cấp. Vào thời điểm của tháng 8 năm 2022, ông làm thủ tục tặng cho và chuyển nhượng QSDĐ của ông cho những người thân trong gia đình, cụ thể: Tặng cho chị ruột bà **Trần Thị K** 2.000m², tặng cho cháu ruột gọi ông bằng cậu là **Lê Thanh S** 1.000m², chuyển nhượng cho **Lê Thị Ngọc Á** cùng chồng là **Trần Văn B** 1.000m², phần còn lại 1.081m² là của ông.

Hồ sơ ông đã nộp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả huyện (nay là thị xã) **T**, nơi đây đã nhận hồ sơ và có phiếu hẹn trả kết quả vào ngày 03/8/2022. Tuy nhiên khi đến hẹn ông đến nhận hồ sơ thì nơi đây không trả kết quả cho ông và cũng không trả lại bản chính GCNQSDĐ cho ông, vì cho rằng đất đang tranh chấp.

Hội đồng xét xử xét thấy, cho đến thời điểm hiện nay ông **L** vẫn là người sử dụng đất hợp pháp trên phần đất của mình.

Việc **Văn phòng Đ1 chi nhánh T1** chỉ căn cứ vào công văn của **UBND xã V** cho rằng do đất đang tranh chấp cũng như ông **L** đã hiến tặng một phần đất của mình cho **UBND xã V** mà không kèm theo bất cứ văn bản tài liệu nào để chứng minh cho nội dung này từ đó **Văn phòng Đ1 chi nhánh T1** dừng thực hiện hồ sơ đăng ký biến động của ông **L** là một hành vi trái pháp luật.

Theo quy định của pháp luật thì chỉ có Tòa án mới có quyền ban hành các quyết định nhằm hạn chế quyền của người dân đó là việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời cấm hoặc buộc thực hiện hành vi nhất định hoặc cơ quan thi hành án ra quyết định áp dụng biện pháp kê biên tài sản để đảm bảo cho việc thi hành án theo quy định của Luật thi hành án dân sự.

Để tạo điều kiện cho các bên đương sự tham gia đối thoại, phiên tòa và cung cấp chứng cứ, Tòa án đã tạm ngừng phiên tòa đưa **UBND xã V** tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan để nơi đây tham gia đối thoại, tham gia phiên tòa trình bày rõ những nội dung cũng như cung cấp hồ sơ, tài liệu về việc phân đất mà **UBND xã V** cho rằng do ông **Đồng h** tặng cho **UBND xã** mà ông **L** thực hiện việc chuyển nhượng, tặng cho những người khác nên ban hành văn bản đề nghị tạm dừng giao dịch.

Tuy nhiên nơi đây đã không có thiện chí không tham gia phiên đối thoại và phiên tòa nên Hội đồng xét xử xét thấy rằng không thể căn cứ vào công văn mà **UBND xã V** đã ban hành dùng làm căn cứ cho việc giải quyết vụ án.

Ngoài ra nếu **UBND xã V** cho rằng phần đất 500m², ông **Đ** đã “hiến tặng” cho **UBND xã V** thì quyền sử dụng đất không còn là của ông **Đ** nữa thì ông cũng không còn quyền để tranh chấp với ông **L**.

Theo nội dung của các Công văn số 243/CNTB-ĐK, số 242 và Công văn số 744/CNTB-ĐK, dẫn chiếu từ văn bản số 154/UBND-VT ngày 14/4/2022 của **UBND xã V** thì: “phần diện tích đất này có nguồn gốc sử dụng đất trước đây là của cá nhân bà **Trần Thị M** và ông **Trần Văn L** đồng đứng tên trong GCNQSDĐ số vào sổ 023724 cấp ngày 02/10/1998 tại thửa số 1851, tờ bản đồ số 01, diện tích 4.959m². Vào ngày 29/4/2004 khi bà **Trần Thị M** còn sống đã chuyển nhượng một phần cho ông Trần Văn A và bà **Trương Thị T** với diện tích 500m² (mua giấy tay) sau đó vợ chồng ông Trần Văn A đã chuyển nhượng lại phần đất này cho ông **Trần Thành Đ** (mua bán giấy tay). Đến ngày 30/9/2020 gia đình ông **Trần Thành Đ** đã hiến phần đất này cho **UBND xã V** để sử dụng ổn định cho đến nay”.

Như vậy vấn đề đặt ra là mặc dù biết được đất này là của: “gia đình ông **Trần Thành Đ** đã hiến phần đất này cho **UBND xã V** để sử dụng ổn định cho đến nay” từ ngày 30/9/2020 nhưng **UBND xã V** và các cơ quan chuyên môn vẫn làm thủ tục xác nhận việc phân chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất giữa các anh chị em của ông **L** sau khi bà **M1** chết vào ngày 01/4/2021, để rồi ông **L** đã được cấp GCNQSDĐ số CS06395 ngày 19/5/2021 với diện tích 5.081,1m² bao gồm cả phần đất mà ông **Đ** đã hiến tặng cho **UBND xã V**?

Khi nhận hồ sơ từ ông **L** Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Tỉnh **B1** đã tiến hành lập bản đồ giải thửa và được ký duyệt vào ngày 15/7/2022 theo đó trong tổng diện tích đất 5.081,1m² do ông **L** đứng tên thì ông đang làm thủ tục tặng cho, chuyển nhượng cho ông **Lê Thanh S**, bà **Trần Thị K**, bà **Lê Thị Á** với tổng diện tích 4000,7m². Phần diện tích còn lại của ông sẽ là 1.080,4m². Như vậy vấn đề đặt ra là nếu có việc trước đây bà **M1** đã chuyển nhượng đất cho ông **Đ** để rồi sau đó ông **Đ** đã hiến tặng cho **UBND xã V** 500m² như vậy thì phần 500m² này nằm trong phạm vi nào trong tổng diện tích đất 5.081,1m² mà ông **L** đang sử dụng và được cấp GCNQSDĐ. Nếu phần hiến tặng này nằm trong phần diện tích còn lại 1.080,4m² mà ông **L** đang sử dụng thì cũng không liên quan và ảnh hưởng gì đến phần đất mà ông **L** đã tặng cho, chuyển nhượng cho người khác.

Trong trường hợp phần đất tranh chấp chỉ là 500m² nhưng Văn phòng đăng ký QSDĐ **chi nhánh T1** đề nghị tạm dừng toàn bộ 03 hồ sơ hành chính liên quan đến hợp đồng tặng cho, chuyển nhượng của ông **L** với tổng diện tích là 4000,7m² cũng là không đúng và gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông **L**. Lẽ ra thì Văn phòng đăng ký QSDĐ **chi nhánh T1** sẽ yêu cầu **UBND xã V** xác định vị trí phần đất ông **Đ** hiến tặng cho **UBND xã V** và trừ phần diện tích này ra, phần diện tích còn lại phải thực hiện quy trình, thủ tục đăng ký biến động cho ông **L** theo quy định.

Trên phương diện pháp lý thì đất này vẫn thuộc QSD của ông **L** và ông đã được cấp GCNQSDĐ thì ông **Đ** cũng không được quyền của người sử dụng đất để hiến tặng cho **UBND xã V**.

Từ những phân tích nêu trên xét thấy rằng Văn phòng đăng ký QSDĐ **chi nhánh T1** đã không thực hiện hết chức trách, nhiệm vụ của mình. Do đó Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang với cơ quan quản lý hành chính nhà nước, cơ quan có thẩm quyền thực hiện việc đăng ký biến động quyền sử dụng đất cho người dân, cơ quan quản lý trực tiếp đối với Văn phòng đăng ký QSDĐ các cấp thực hiện các dịch vụ hành chính công liên quan đến đất đai theo quy định tại khoản 1, điều 5 Nghị định 43/2014 ngày 14/5/2014 hướng dẫn thi hành Luật đất đai năm 2013 để chỉ đạo và thực hiện đúng công vụ, nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật.

Từ những căn cứ như đã nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **L**.

[3] Về án phí hành chính sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của ông **L** được chấp nhận nên không phải chịu tiền án phí hành chính sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 30, Điều 32, Điều 157, Điều 158, khoản 1, điểm c khoản 2 Điều 193 của Luật tố tụng hành chính năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông **Trần Văn L**:

- Tuyên bố hành vi không thực hiện việc đăng ký biến động về đất đai của **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh A** là hành vi trái pháp luật.

- Buộc **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh A** thực hiện hành vi đăng ký biến động về đất đai cho ông **Trần Văn L** theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Ông **Trần Văn L** không phải chịu tiền án phí hành chính sơ thẩm. Cục thi hành án dân sự tỉnh An Giang hoàn lại cho ông **L** 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 000434 ngày 06/10/20223.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 18/06/2024). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP HCM;
- VKSND tỉnh AG;
- Cục THA tỉnh An Giang;
- Tòa Hành chính;
- Văn phòng Tòa án tỉnh AG ;
- Phòng KTNV & THA tỉnh AG ;
- Đương sự;
- Lưu: hồ sơ.

Lê Thanh Hoàng

**HỘI THẨM NHÂN DÂN
PHIÊN TÒA**

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA

Tô Minh Lắm – Phạm Yến Nhi

Lê Thanh Hoàng

